

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----&-----

**DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG SẴN SÀNG
ĐI HỌC CHO TRẺ MẦM NON**

MÔ ĐUN MN1 - A
XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON
LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
(Dành cho giáo viên)

TÀI LIỆU BỔ TRỢ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

GIỚI THIỆU

Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển ngôn ngữ và chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ theo nguyên tắc cơ bản của *Giáo dục có chất lượng*: Trẻ em được học trong một môi trường học tập thân thiện, phương pháp giảng dạy tích cực, cởi mở và thân quen gần gũi.

Giúp giáo viên mầm non có hiểu biết đầy đủ hơn về phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm trong giáo dục phát triển ngôn ngữ và chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non.

Giúp giáo viên nắm vững phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em dân tộc thiểu số.

Nội dung mô đun

- Giới thiệu
- Tầm quan trọng của ngôn ngữ và thực trạng về ngôn ngữ, giao tiếp của trẻ em Việt Nam hiện nay
- Nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ
- Phương pháp/biện pháp giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo.
- Phương pháp/biện pháp giáo dục phát triển tiếng Việt như ngôn ngữ thứ 2 cho trẻ em DTTS.
- Thu hút sự tham gia của cha mẹ và cộng đồng trong giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
- Kế hoạch hành động thực tế.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA NGÔN NGỮ VÀ THỰC TRẠNG VỀ NGÔN NGỮ, GIAO TIẾP CỦA TRẺ EM VIỆT NAM HIỆN NAY

Chúng ta biết gì về vai trò của ngôn ngữ trong việc học và phát triển của trẻ?

Sự lĩnh hội ngôn ngữ là rất cần thiết cho việc phát triển tình cảm, xã hội và nhận thức của trẻ. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ảnh hưởng đến khả năng học tập trong Trường tiểu học, Trung học và cả trong tương lai. Ngôn ngữ và khả năng đọc viết là rất quan trọng cho những thành công trong tương lai của con người.

Ngôn ngữ ở nhà của trẻ là ngôn ngữ đầu tiên mà trẻ sử dụng để thiết lập mối quan hệ và giao tiếp với người khác, để tạo dựng tri thức và để học tập.

Ngôn ngữ giúp trẻ bày tỏ ý kiến, đặt câu hỏi, phân loại và phát triển cách tư duy và tạo nên cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Vygotsky đã nhấn mạnh rằng ngôn ngữ nói rất quan trọng trong việc giải quyết nhiệm vụ khó, tạo mối quan hệ xã hội và kiểm soát hành vi của những trẻ khác cũng như hành vi của bản thân. Chúng ta thường nghe thấy trẻ tự nói ra thành tiếng lớn khi chúng chơi cùng nhau và tương tác với các trẻ khác.

Những vấn đề về ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ là gì?

NỘI DUNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Là giáo viên, điều quan trọng là nắm vững nội dung và kết quả mong đợi về ngôn ngữ của trẻ ở trường mầm non. Nếu chúng ta muốn trẻ em được chuẩn bị tốt khi vào học tiểu học, chúng ta cần phải đảm bảo rằng các giáo viên mầm non nắm vững các nội dung cốt lõi về giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

NỘI DUNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Trong chương trình GDMN

Nghe và hiểu

- Nghe hiểu các từ, câu.
- Nghe hiểu trong g.tiếp hàng ngày.
- Nghe hiểu các câu chuyện,....

Nói

- Từ vựng và ngữ điệu.
- Thể hiện nhu cầu bản thân.
- Hỏi và trả lời câu hỏi.
- Kể lại một sự kiện.
- Kể lại một câu chuyện đã nghe.
- Đóng vai nhân vật.

Đọc và viết

- Nhận diện mặt chữ cái.
- Sao chép chữ cái .
- Biết sd các dụng cụ viết.

Trong chỉ số EDI

Nghe và hiểu

- Lắng nghe bằng tiếng Việt.
- Hiểu ngay lập tức những gì người khác nói.

Nói

- Từ vựng và ngữ điệu.
- Thể hiện nhu cầu bản thân.
- Hỏi và trả lời câu hỏi.
- Kể lại một sự kiện.
- Kể lại một câu chuyện đã nghe.
- Đóng vai nhân vật.

Đọc và viết

- Nhận diện mặt chữ cái.
- Sao chép các chữ cái.
- Thích đọc - tò mò về ý nghĩa của các chữ in.
- Cố gắng sử dụng các dụng cụ viết.
- Viết từ trái sang phải.
- Thích viết (không có hướng dẫn của giáo viên).
- Tự viết tên mình.
- Kể chuyện theo tranh.
- Biết cách sử dụng sách (như lật giờ trang sách).

Đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ

- Mức độ kỹ năng ngôn ngữ của trẻ mầm non khi vào trường là rất khác nhau.
- Vai trò của giáo viên là xác định kỹ năng ngôn ngữ của trẻ và lên kế hoạch phát triển ngôn ngữ cho trẻ, cho toàn thể lớp và cho cá nhân từng trẻ. Đối với một số trẻ, việc học ngôn ngữ tương đối dễ dàng, nhưng đối với các trẻ khác việc đó có khó khăn hơn.
- Quan trọng là phải đánh giá ngay sự khó khăn về ngôn ngữ của trẻ.

Chúng ta có thể tiến hành đánh giá như thế nào?

PHƯƠNG PHÁP/ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẪU GIÁO

Kĩ năng lắng nghe và hiểu:

Kỹ năng nói:

Kỹ năng đọc:

Kỹ năng viết:

PHƯƠNG PHÁP/ BIỆN PHÁP DẠY TIẾNG VIỆT LÀ NGÔN NGỮ THỨ HAI CHO TRẺ DÂN TỘC THIỂU SỐ

Kết quả EDI Việt Nam cho thấy rằng trẻ em vùng dân tộc thiểu số có nguy cơ dễ bị thiếu hụt cao nhất, cụ thể là ở mức thấp nhất 10% điểm số ở ít nhất một lĩnh vực phát triển. Điều này có nghĩa rằng nếu trẻ có khó khăn trong giao tiếp bằng tiếng Việt, trẻ sẽ gặp khó khăn trong học tập.

Học ngôn ngữ thứ hai: Song ngữ

Các giai đoạn học ngôn ngữ thứ hai

Việc học ngôn ngữ thứ hai thường theo đúng lộ trình phát triển của ngôn ngữ thứ nhất. Thường có 6 giai đoạn trong việc học ngôn ngữ.

- Giai đoạn im lặng.
- Cử chỉ.
- Từ đơn.
- Cụm từ.
- Câu và hội thoại
- Đọc và viết

Trong những tuần đầu tiếp xúc với tiếng Việt, trẻ bắt đầu hiểu những từ khóa riêng lẻ và những từ quen thuộc, đặc biệt nếu ngôn ngữ được hỗ trợ bởi cử chỉ, vật cụ thể và các phương tiện trực quan. Một vài trẻ sẽ cố gắng nói ngay, lặp lại những từ và cụm từ.

Những trẻ khác sẽ không dễ bắt đầu nói tiếng Việt, quan sát những bạn khác một cách lặng lẽ và tham gia vào việc trả lời phi ngôn ngữ hay những từ đơn như “có” hoặc “không”. Một số trẻ khác sẽ giữ im lặng. Tình trạng này có thể kéo dài hơn một tháng gọi là giai đoạn im lặng. Trong suốt giai đoạn này, điều quan trọng là chúng ta cần công nhận trẻ và đưa trẻ tham gia vào những hoạt động chứ không lơ trẻ đi. Khi trẻ đã trở nên quen thuộc hơn với tiếng Việt, trẻ sẽ bắt đầu dùng từ đơn và các cụm từ ngắn.

Khi trẻ trở nên quen thuộc hơn với tiếng Việt, trẻ sẽ cho thấy sự hiểu biết tốt hơn về ngôn ngữ này cũng như trẻ sẽ nói thành thạo hơn. Trẻ sẽ bắt đầu tham gia vào các hoạt động nhóm và nói chuyện với trẻ khác. Trẻ có thể vẫn sử dụng cử chỉ để giúp giao tiếp dễ dàng hơn.

Cuối cùng trẻ sẽ có khả năng thích nghi với ngôn ngữ ở các tình huống khác nhau và có thể tham gia vào các cuộc hội thoại.

Chúng ta cần nhớ rằng trẻ sẽ thường sử dụng việc giao tiếp bằng các hành động như chạm, đập vào người nói chuyện vì trẻ chưa có đủ vốn từ tiếng Việt để nói cho người khác biết trẻ muốn gì.

Giờ học ngôn ngữ chuyên sâu rất hữu ích cho việc mở rộng ngôn ngữ và xây dựng kỹ năng cụ thể cho trẻ.

Có một số cách thức khác nhau cho việc dạy ngôn ngữ thứ hai. Các phương pháp này rất hữu dụng đối với các trẻ gặp khó khăn về ngôn ngữ.

Hãy dành thời gian đọc những phương pháp này trong những ngày tới và xác định những việc anh chị có thể thực hiện ngay.

Trong những năm đầu đời, điều quan trọng là trẻ được dạy những từ ngữ chi tiết và các cụm từ ngắn liên quan đến cuộc sống của trẻ cũng như bối cảnh Trường học. Điều này liên quan tới việc học tên của các đồ dùng, đồ chơi; học các câu như xin chào, tạm biệt liên quan tới lịch trình chế độ sinh hoạt hàng ngày.

Các hoạt động nên ngắn gọn, thú vị và được lặp đi lặp lại. Các từ và cụm từ hữu ích nên được củng cố một cách ngẫu nhiên khi trẻ tham gia vào các hoạt động của Trường mầm non.

THU HÚT SỰ THAM GIA CỦA CHA MẸ VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Nếu chúng ta muốn giúp trẻ phát triển các kỹ năng đọc viết và ngôn ngữ tốt, chúng ta cần khuyến khích cha mẹ và cộng đồng trân trọng và hỗ trợ việc học tiếng Việt tại nhà và tại cộng đồng.

Huy động cha mẹ và cộng đồng.

Giáo viên có thể

KẾT LUẬN

Khi chúng ta tổng kết mô-đun về phát triển ngôn ngữ này, chúng ta cần phải :

- trân trọng việc chơi và cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội giao tiếp với nhau cũng như với giáo viên.
- hỗ trợ việc học ngôn ngữ của trẻ bằng cách nói chuyện với trẻ, có những cuộc trao đổi thường xuyên, hỏi những câu hỏi gợi mở.
- lên kế hoạch cho việc học ngôn ngữ bao gồm nghe, nói, đọc và viết.
- _____

thu hút sự tham gia của cha mẹ trong việc học ngôn ngữ của trẻ tại nhà. t



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CÁ NHÂN

Sử dụng mẫu có sẵn trong tài liệu hỗ trợ của chị để chỉ ra chị sẽ hỗ trợ trẻ phát triển ngôn ngữ như thế nào và có thể thay đổi được vấn đề tồn tại nào trong thực tiễn:

Liệt kê một số những điều mà bạn làm tốt để hỗ trợ phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Xác định một số điều mà bạn muốn thay đổi hoặc giới thiệu để cải thiện cách bạn hỗ trợ phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Chọn một hoặc hai điều mà bạn có thể bắt đầu giải quyết vào tuần tới.

Những gì bạn sẽ làm để thực hiện điều này.

Kết quả mong đợi là gì

MÔ ĐUN MN1 - A
XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
(Dành cho giáo viên)

Tài liệu phát tay

TÀI LIỆU SỐ 1

1. Khái niệm

Phát triển ngôn ngữ được hiểu là quá trình trẻ lĩnh hội chức năng và cấu trúc của ngôn ngữ và cùng với ngôn ngữ là các qui ước của xã hội trong việc sử dụng ngôn ngữ để bày tỏ và tiếp nhận suy nghĩ, cảm xúc và ý tưởng.

Việc lĩnh hội ngôn ngữ bao gồm sự lĩnh hội 3 khía cạnh cơ bản sau của ngôn ngữ: (1) nội dung (vốn từ và nghĩa của từ); (2) hình thái hay cấu trúc (ngữ pháp và cú pháp); và (3) chức năng của ngôn ngữ.

Giáo dục phát triển ngôn ngữ được hiểu là nội dung giáo dục nhằm nâng cao sự hiểu biết và khả năng sử dụng ngôn ngữ, khả năng giao tiếp hiệu quả cũng như những kỹ năng tiền đọc, tiền viết ban đầu của trẻ.

2. Vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển nhân cách của trẻ

Ngôn ngữ nói, giao tiếp và đọc viết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của trẻ MN nói riêng, của con người và xã hội nói chung.

Lứa tuổi MN là thời kỳ phát cảm ngôn ngữ. Đây là giai đoạn có nhiều điều kiện thuận lợi nhất cho sự lĩnh hội ngôn ngữ nói và các kỹ năng đọc viết ban đầu của trẻ. Ở giai đoạn này trẻ đạt được những thành tích vĩ đại mà ở các giai đoạn sau không thể có được, trẻ học nghĩa và cấu trúc của từ, cách sử dụng từ ngữ để chuyển tải suy nghĩ và cảm xúc của bản thân, hiểu mục đích và cách thức con người sử dụng chữ viết.

Cùng với quá trình lĩnh hội ngôn ngữ, trẻ lĩnh hội và phát triển các năng lực tư duy như xây dựng và biểu đạt ý tưởng, chia sẻ thông tin với người khác và tiếp nhận, đáp lại ý tưởng, thông tin của người khác.

Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp có ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực phát triển khác của trẻ. Ngôn ngữ là công cụ của tư duy vì thế ngôn ngữ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển nhận thức, giải quyết vấn đề và chức năng tư duy ký hiệu tượng trưng ở trẻ.

MÔ ĐUN MN1 - A
XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
(Dành cho giáo viên)

Tài liệu phát tay

TÀI LIỆU 2

**CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
CHO TRẺ MẪU GIÁO**

Các phương pháp giáo dục phát triển ngôn ngữ hoàn toàn không xa lạ với giáo viên. Ở tài liệu này chỉ có mục đích khái quát lại một vài nét cơ bản của mỗi phương pháp mà thôi.

1. Phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp là gì?

Là dạy học ngôn ngữ tập trung vào việc tạo dựng khả năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau và với các mục đích khác nhau. Trong phương pháp này, trẻ được đặt trong những tình huống giao tiếp cụ thể và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống đó. Nghĩa là, trẻ không chỉ biết cách tạo ra các câu đúng mà còn biết sử dụng các câu đó khi nào, ở đâu, cho ai.

2. Phương pháp thực hành theo mẫu

Phương pháp thực hành theo mẫu là gì?

Trong quá trình học ngôn ngữ, trẻ được học về các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, từ ngữ, ngữ pháp, văn bản... thông qua các mẫu cụ thể như:

- Các mẫu phát âm, đọc, câu...
- Các mẫu hỏi và đáp
 - Các mẫu kí tự
 - Các mẫu sáng tác câu chuyện.
 - Các động tác mẫu khi tham gia trò chơi, đọc thơ, tìm từ

Các mẫu này phải mang tính chuẩn mực để trẻ ghi nhớ và làm theo, tạo ra hàng loạt những cách sử dụng ngôn ngữ tương tự, các mẫu này còn được sử dụng làm “chuẩn” khi uốn nắn, trợ giúp, để trẻ có được cách nói đúng, đạt hiệu quả cao trong học tập. Thực hành theo mẫu là một cách giáo dục ngôn ngữ có chủ đích rất rõ rệt, được sử dụng như một phương pháp số một trong phát triển kĩ năng đọc và viết.

3. Một số biện pháp/hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ

3.1. Nghe- nói

-Nghe các âm thanh:

+ *Nhận biết âm thanh nghe được:* Trẻ nhắm mắt lại và nghe những âm thanh khác nhau xung quanh mình, sau đó nói về những âm thanh mà trẻ nghe được.

+ **Nhận biết các tiếng động:** Trẻ nhắm mắt lại, giáo viên làm một số tiếng động khác nhau (ví dụ: đóng cửa, dùng thước gõ lên bàn, vỗ tay, thả một hòn đá xuống nền nhà...), trẻ lắng nghe và phân biệt các tiếng động đó, sau đó trẻ miêu tả tiếng động mà các em nghe được và cố gắng đoán xem giáo viên đã dùng những vật gì để tạo ra tiếng động đó.

+ **Phân biệt âm thanh trong hộp:** có 3 chiếc hộp đựng 3 thứ khác nhau, ví dụ: gạo, sỏi, cát. Lắc các hộp cho trẻ quan sát và nghe âm thanh từ mỗi hộp. Sau đó cho trẻ nhắm mắt lại, lắc từng hộp cho trẻ nghe âm thanh để đoán đó là hộp đựng thứ gì.

+ **Nghe để biết giọng nói của ai:** chia trẻ thành 2 nhóm, mỗi nhóm đi về phía bức tường quay lưng lại nhóm kia. Giáo viên chỉ vào một trẻ trong nhóm 1, trẻ đó sẽ nói một câu ngắn bất kì (ví dụ: một con mèo). Trẻ ở nhóm 2 cố gắng đoán xem ai nói câu đó. Lần lượt mỗi nhóm đoán 3 lần. Mỗi lần đoán đúng được một điểm. Nhóm nào được nhiều điểm hơn sẽ thắng.

- **Nghe để vỗ tay theo các từ:** Chia trẻ thành các nhóm. Giáo viên nói với nhóm 1 một câu có 4 từ. Trẻ cố nhớ xem câu nói đó có mấy từ và vỗ tay theo các từ đó (4 lần vỗ tay). Nếu làm đúng nhóm sẽ được 1 điểm. Nói một câu khác, nếu nhóm kia vỗ tay đúng cũng được 1 điểm. Thực hiện khoảng 5 lần cho mỗi nhóm. Nhóm nào được nhiều điểm hơn sẽ thắng.

- **Nghe để nhận biết âm giống nhau:**

+ Giáo viên nói một số từ bắt đầu bằng một âm giống nhau. Trẻ nghe và nói lại âm đó.

+ Giáo viên nói một số từ bắt đầu bằng một âm giống nhau. Trẻ tìm các từ khác cũng bắt đầu bằng âm đó.

+ **Nhận biết các từ bắt đầu bằng âm giống nhau:** Giáo viên nói một từ. Trẻ nói tên chữ cái đầu tiên của từ đó. Sau đó trẻ tìm và nói càng nhiều từ bắt đầu bằng chữ cái đó càng tốt. Sau 5 phút, nhóm nào nhiều từ hơn sẽ thắng cuộc.

- **Truyền tin:** Chia trẻ đứng thành 2 hàng. Giáo viên nói thầm một câu nào đó cho 2 trẻ đứng đầu hàng, sau đó trẻ này lại nói thầm lại câu đó cho trẻ đứng tiếp sau, cứ thế đến cuối hàng. Trẻ cuối cùng sẽ nói to câu đó. Trẻ đầu hàng sẽ xác nhận đúng hay sai, sau đó giáo viên sẽ là người xác nhận cuối cùng. Nhóm nào nhanh và nói đúng sẽ thắng cuộc.

- **Diễn tả chuyện qua hành động:** Giáo viên nói với trẻ rằng mình sẽ kể hoặc đọc một câu chuyện và cần một vài trẻ diễn tả câu chuyện đó trong khi cô kể (hoặc đọc). Những trẻ xung phong làm việc này không cần phải nói mà chỉ cần diễn tả các động tác cho phù hợp.

- **Nghe những từ ngữ đặc biệt:** Giáo viên nói với trẻ rằng sẽ kể 1 câu chuyện và trẻ nên chú ý nghe một số từ đặc biệt. Khi trẻ nghe được những từ đó thì trẻ diễn tả bằng hành động phù hợp. Ví dụ 1: khi nghe thấy từ “vui sướng” thì trẻ đồng loạt vỗ tay và hét lên “hoan hô” để biểu thị sự vui mừng thích thú. Khi nghe thấy từ “buồn” thì giả vờ khóc “hu,hu”... Ví dụ 2: chuyện kể về “1 cậu bé bỏ nhà đi chơi, leo lên cây, bơi qua sông, gặp một con hổ sợ quá phải chạy trốn, leo qua núi, chạy đến bờ sông, bơi qua sông, chạy nhanh về nhà. Cậu rất mệt nhưng vô cùng sung sướng vì đã thoát nạn”. Khi trẻ nghe những từ ngữ chỉ hành động thì làm động tác diễn tả những hành động đó như động tác trèo cây, bơi, leo qua núi, chạy về nhà, mừng rỡ vì thoát nạn...

3.2. Nói

a. Đặt các loại câu hỏi:

-Sử dụng loại câu hỏi “Các con đã bao giờ...?”: Hàng tuần hỏi trẻ loại câu hỏi này về một chủ đề nào đó. Ví dụ: Các con đã bao giờ trồng cây chưa? Các con đã bao giờ đi lên nương/rẫy chưa?. Trẻ sẽ nói về kinh nghiệm của mình.

-Sử dụng loại câu hỏi “Các con sẽ làm gì nếu...?”. Chuẩn bị khoảng 5 câu hỏi (tương tự sau đây) để hỏi trẻ. Nếu 5 trẻ trả lời mà vẫn còn thời gian thì hỏi tiếp 5 trẻ khác: *Nếu con đang đi bộ trên đường và nhìn thấy một con hổ. Con sẽ làm gì? Nếu em trai/em gái của con bị ngã xuống hố sâu, con sẽ làm gì? Nếu con nhặt được 100.000 đồng con sẽ làm thế nào? Nếu con đi đến chợ/ xuống phố (kể tên một số địa điểm quen thuộc) thì con sẽ thấy điều gì?,...*

-Sử dụng loại câu hỏi như thế nào và tại sao: Kể hoặc đọc cho trẻ nghe một câu chuyện, sau đó hỏi các câu hỏi mở (như thế nào và tại sao) về câu chuyện trẻ vừa nghe. Ví dụ: *Tại sao con nghĩ rằng chị ấy làm việc đó? Làm cách nào mà anh ấy biết rằng chuyện đó sẽ xảy ra?* Yêu cầu trẻ trả lời thành câu dài chứ không phải bằng 1,2 từ. Cũng có thể hỏi các câu hỏi về đánh giá như: *Con có nghĩ rằng bà ngoại con nên làm việc đó không? Tại sao có? Tại sao không?*

-Sử dụng loại câu hỏi dự đoán: Kể hoặc đọc cho trẻ nghe một câu chuyện. Trong lúc đọc có thể dừng lại một vài lần và hỏi : *Các con nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo?*

b. Miêu tả các đặc điểm: Giáo viên kể hoặc đọc cho trẻ nghe một câu chuyện, cho trẻ thảo luận chung về câu chuyện đó. Sau đó yêu cầu trẻ miêu tả những nhân vật trong truyện - về tuổi tác, ngoại hình, tính cách... VD: Ở tranh 1: Câu chuyện xảy ra ở đâu? Cậu bé và các bạn chơi gì? Các con nghĩ như thế nào nếu quả còn văng đi xa?.



Tranh 1: Chơi ném còn



Tranh 2: Mẹ đưa con đến trường

c. Sáng tác những câu chuyện:

-Những câu chuyện về cuộc sống: Giáo viên yêu cầu trẻ nói về những việc mà mẹ (bố, ông, bà, anh chị em...) thường làm hằng ngày. “Mẹ của con thường...”. Khi trẻ kể xong, giáo viên tóm tắt lại những việc mà các bà mẹ làm trong ngày.

-Những chuyện diễn ra trong ngày: Yêu cầu trẻ nghĩ về một hay một nhóm người nào đó trong cộng đồng – thành viên trong gia đình, bạn bè, người khuyết tật, những người khác

như: giáo viên, bác sĩ, công an, trưởng thôn/bản, cán bộ xã... Dạy cho trẻ biết nói một câu mà trẻ có thể nói về người đó – những việc mà họ làm, tại sao họ lại quan trọng với gia đình và cộng đồng. Trẻ lần lượt nói một câu của mình về người đó.

-Đoán biết câu chuyện: Yêu cầu mỗi nhóm trẻ nghĩ ra một câu chuyện nào đó và thể hiện qua hành động. Các nhóm khác quan sát và cố gắng đoán thử nội dung câu chuyện.

-Cường điệu hóa câu chuyện: Làm cường điệu hóa một chuyện liên quan đến chủ đề quen thuộc hằng ngày. Giáo viên có thể đưa ra một gợi ý sau đó trẻ hoàn thành câu chuyện. (Ví dụ: Một hôm, Nam ăn hết 30 bát cơm. Điều gì sẽ xảy ra với cậu ta?)

-Cường điệu hóa nhiều sự việc trong một câu chuyện: Giáo viên mở đầu một câu chuyện bằng cách nói một câu về một cậu bé đang làm một việc gì đó làm cho trẻ cười bằng cách cường điệu hóa một hành động. Giáo viên nên chọn một cái tên thật buồn cười cho nhân vật trong truyện. Sau đó mỗi trẻ lần lượt nói một câu. Ví dụ: Páo sút cười một con lợn to đi chợ! Sau đó thì cậu ấy làm gì?

Trẻ 1: Con lợn của cậu ấy nhảy qua một con suối;

Trẻ 2: Vào chợ cậu ấy ăn hết 20 bát bún.

Trẻ 3:.....

-Chuyện trong lớp: Khuyến khích trẻ nói về các chủ đề hàng tuần hoặc về một chuyện gì đó trẻ không mong muốn, hoặc điều gì đó trẻ rất muốn nó xảy ra trong cuộc sống. Khuyến khích trẻ tự kể một câu chuyện về một chủ đề. Khi trẻ hoàn thành rồi thì yêu cầu trẻ kể lại. Ngày hôm sau trẻ sẽ kể lại câu chuyện trong khi trẻ khác thể hiện câu chuyện đó bằng hành động (Giáo viên có thể viết lại câu chuyện đó vào sách hoặc đưa lên một tấm bảng).

-Kể về một thứ mà trẻ thích: Cho trẻ mang một thứ gì đó mà trẻ thích đến lớp (một bức tranh, một món quà được tặng, một vật nào đó mà làm cho trẻ nghĩ đến bố, mẹ hoặc những người yêu quý; hay một đồ vật tự nhiên (hòn đá, lá cây, cành cây, một loại quả, hạt...). Trẻ sẽ nói tại sao vật đó lại quan trọng, hay tại sao trẻ lại thích vật đó (nên có 2,3 câu chuyện trong một ngày và không quá 10 phút)

-Kể về một sự việc: Khuyến khích trẻ kể lại một vài sự kiện mà trẻ đã tham dự hay nhìn thấy, sử dụng các loại câu hỏi: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao (ví dụ: một trận bóng, một vụ tai nạn, một lễ hội, một việc làm tốt...)

-Thuật lại sự việc: Mỗi ngày/tuần từng nhóm trẻ có thể thuật lại cho lớp về những sự kiện diễn ra trong cộng đồng. Mỗi ngày nên dành khoảng 5-10 phút cho trẻ chia sẻ những tin tức mới với mọi trẻ trong lớp.

-Chia sẻ thông tin:

+ *Chia sẻ những thông tin cá nhân* (về gia đình, về thành viên nào đó trong gia đình, những việc mà trẻ thường làm ở nhà sau khi tan trường...)

+ *Chia sẻ những thứ mà trẻ thích hay không thích* (hai thứ con thích nhất; thời gian con thích nhất trong ngày, tại sao con thích, người mà con quý nhất, tại sao con quý người đó; con thích có thứ gì nhất, tại sao)

+ *Chia sẻ những kinh nghiệm:* kinh nghiệm nào trẻ nhớ... (con đã làm việc gì sáng nay trước khi đi học; Điều mà con thích nhất và đã làm được hoặc được trông thấy. Điều đã xảy ra làm con sợ nhất; điều đã xảy ra vui nhất đối với con,...)

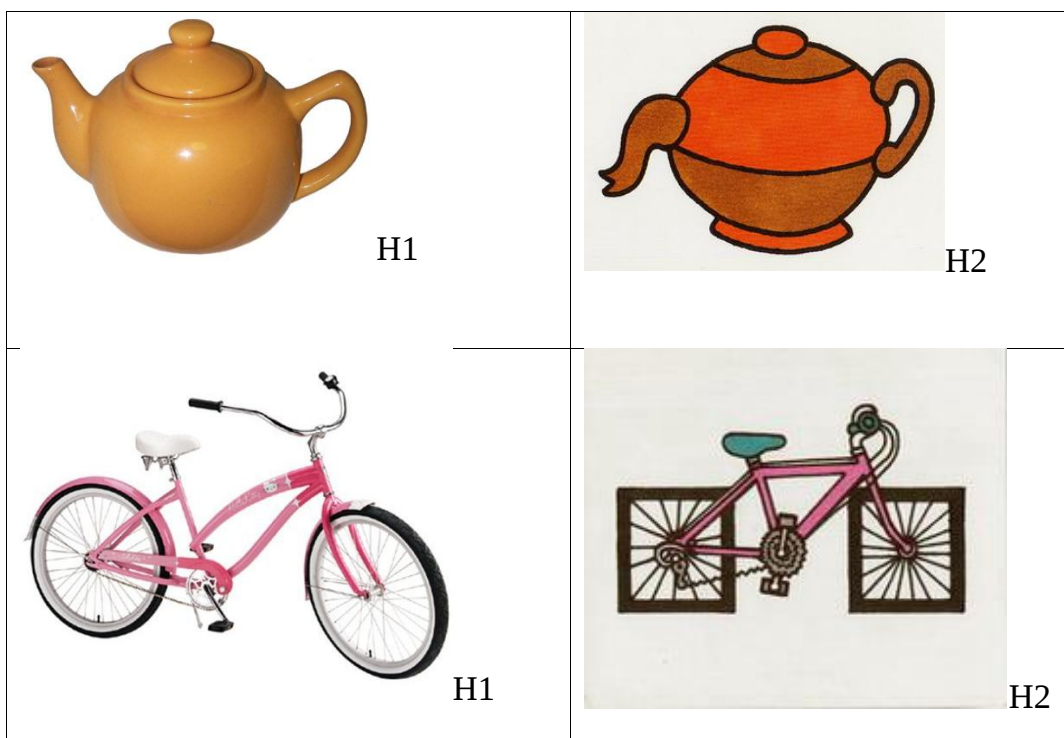
+ *Chia sẻ những ý kiến* (những điều làm con bức bối nhất, tại sao; thứ mà em thích hoặc không thích nhất ở trường, tại sao?)

+ *Chia sẻ những điều tự nhận thức* (những việc mà con làm tốt nhất; những việc mà con muốn học để làm)

+ *Miêu tả và giải thích:*

○ Mô tả một trò chơi con thích, diễn tả cách chơi trò chơi đó.

○ Giải thích về một sự khác nhau hoặc không hợp lý của bức tranh, ví dụ so sánh 2 hình và tìm điểm không hợp lý:



-**Nói/đọc truyện liên quan đến chủ đề:** Giáo viên khuyến khích trẻ nói về chủ đề của tuần hoặc đọc một câu chuyện liên quan đến chủ đề đó. Hỏi trẻ một vài câu hỏi về nội dung truyện (chuyện gì đã xảy ra, nó xảy ra như thế nào, tại sao?)

-**Dự đoán sự việc xảy ra tiếp theo:** Giáo viên đọc hoặc kể một câu chuyện có liên quan đến chủ đề của tuần đó, thỉnh thoảng dừng lại và hỏi trẻ: Các con nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? Khi giáo viên kể xong, trẻ sẽ kể lại câu chuyện ấy bằng cách diễn đạt của trẻ.

-**Kể lại câu chuyện:** Giáo viên đọc hoặc kể lại một câu chuyện về chủ đề quen thuộc với trẻ, sử dụng nhiều từ ngữ mà trẻ đã biết. Khi giáo viên kể xong, trẻ sẽ kể lại chuyện đó. Giáo viên có thể hỏi các câu hỏi gợi ý giúp trẻ mở đầu câu chuyện như: Điều gì xảy ra trước tiên trong câu chuyện? Sau khi trẻ trả lời thì hỏi tiếp: Điều gì xảy ra tiếp theo? Điều xảy ra tiếp sau đó? Tiếp tục làm như vậy cho đến khi câu chuyện kết thúc. Có thể gọi một trẻ kể lại toàn bộ câu chuyện.

-Thay đổi phần kết thúc câu chuyện: Giáo viên đọc hoặc kể một câu chuyện, sau đó từng nhóm trẻ sẽ nghĩ ra những cách thay đổi phần kết của câu chuyện. Mỗi nhóm sẽ diễn tả ý kiến của mình về phần kết đó, hoặc trẻ có thể thay đổi nhân vật, bối cảnh hay sự việc diễn ra trong câu chuyện.

-Trò chơi trả lời nhanh: Giáo viên kể hoặc đọc một câu chuyện. Trẻ đứng thành một vòng tròn, giáo viên hỏi trẻ một số câu hỏi về chuyện vừa kể (Ai? Cái gì? Ở đâu? Tại sao? Như thế nào?...)

-Thay đổi thời gian cho câu nói: Giáo viên nói một câu trong đó có từ chỉ thời gian. Trẻ xác định từ đó và tìm các từ chỉ thời gian có thể thay thế cho từ đó trong câu. Ví dụ: Hôm nay chúng ta đi học. Trẻ tìm những từ chỉ thời có thể thay thế. Ví dụ: Buổi sáng, chúng ta đi học; Sáng nay, chúng ta đi học; 8 giờ chúng ta đi học.

3.3. Tiềm đọc (Tập trung vào nghĩa)

-Sắp xếp thứ tự các bức tranh trong một câu chuyện: Đưa cho mỗi trẻ một bức tranh (mỗi bức tranh là một phần sự việc, chi tiết của câu chuyện, một quy luật nào đó, ví dụ: sự nảy mầm của hạt ngô, ấp trứng...). Trẻ cùng xếp thứ tự cho các bức tranh, sau đó diễn tả điều gì diễn ra trong mỗi bức tranh.

Sự phát triển của cây:

				
Củ khoai tây	Mọc mầm	Trồng xuống đất	Cây khoai tây	Rễ phình lên thành củ

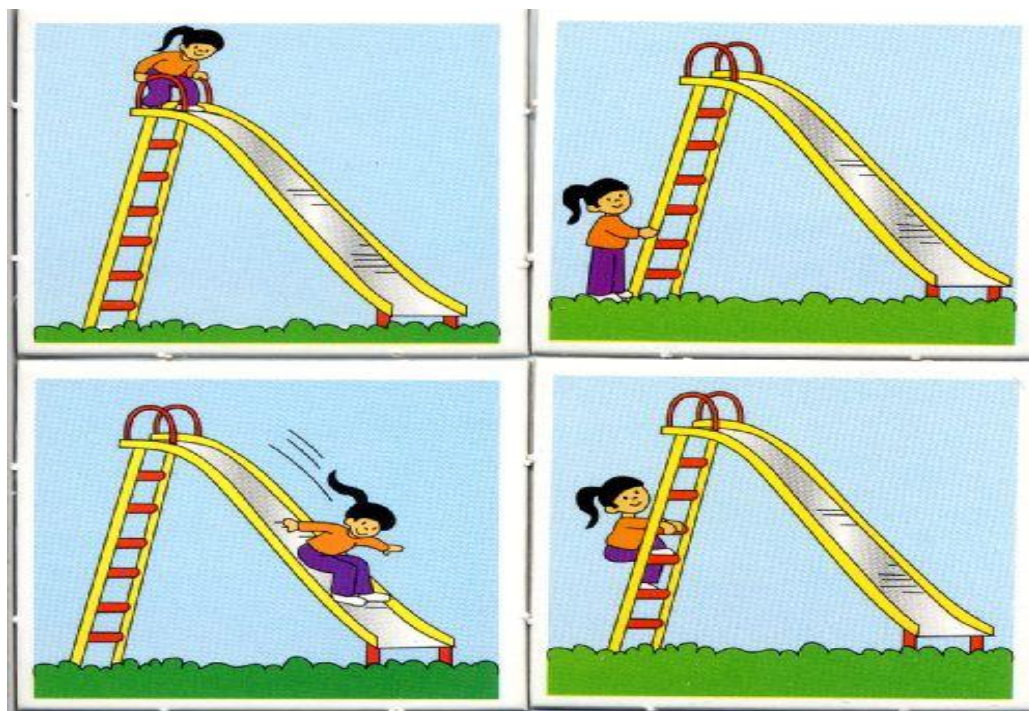
Sự sinh trưởng của các loài:

				
Gà mái	Đẻ trứng gà	Trứng gà nở thành gà con	Gà con lớn dần thành gà	Con gà

				
Ong chúa	Đẻ trứng vào tổ ong	Trứng lớn dần lên thành ong	Ong con chui ra khỏi tổ	Con ong

				
Heo/lợn nái	Mang thai nhiều heo/lợn con trong bụng	Heo/lợn mẹ đẻ ra nhiều heo con	Heo/lợn con bú sữa mẹ	Heo/lợn con vẫn bú mẹ đến lớn

Sắp xếp tranh theo đúng thứ tự (điền số từ 1– 4 vào tranh thích hợp), giải thích và kể chuyện theo các bức tranh đó.



-Vẽ tranh về thứ mà trẻ thích: Cho trẻ vẽ một bức tranh về con vật (đồ ăn, trò chơi, người...) mà trẻ thích, sau đó mỗi trẻ sẽ chỉ cho các bạn bức tranh của mình, nói tên con vật đó và giải thích tại sao lại thích nó.

-Vẽ và kể chuyện qua các bức tranh: Yêu cầu trẻ vẽ 3 bức tranh (theo nhóm): một bức thể hiện phần mở đầu câu chuyện, một bức thể hiện phần giữa và một bức nói về phần kết của câu chuyện (ví dụ: bức tranh thứ nhất: Một cậu bé đá bóng; bức tranh thứ hai: bóng bay ra đường; bức tranh thứ ba: bóng va vào ô tô). Trẻ chia thành nhóm, dùng các bức tranh của nhóm để kể chuyện.

-Những bức tranh mở đầu câu chuyện: Giáo viên vẽ một bức tranh trong đó có một cậu bé đang đứng trên cây, sau đó hỏi các câu hỏi để trẻ có thể kể thành một câu chuyện. Ví dụ: *Cậu bé này là ai? Tại sao cậu ta lại đứng trên cây? Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Cậu bé sẽ làm gì? Cậu ta có cần giúp không? Ai sẽ giúp cậu bé? Người đó từ đâu đến? Tại sao họ lại giúp cậu bé? Sau đó cậu bé nên làm gì? Nếu là con thì con sẽ làm gì?*

3.4.Tiền đọc (tập trung vào sự chính xác)

a.Phân loại đồ vật:

-Phân loại các đồ vật dựa theo nhóm: Ví dụ: có rất nhiều loại khác nhau, các viên đá, các loại hạt cây, vỏ chai lọ... Xếp chúng thành từng nhóm kích cỡ, màu sắc,...

-Sắp xếp các cặp thẻ giống nhau thành nhóm: Mỗi nhóm được phát khoảng 15-20 thẻ trong đó mỗi cặp thẻ có tranh/ mẫu chữ cái/từ giống nhau. Xáo trộn các thẻ và đặt trên nền nhà. Trẻ sẽ thay nhau tìm và xếp thành các cặp thẻ giống nhau.

b. Ghép đôi:

-Ghép thẻ tranh và chữ cái: Tìm 2 thẻ ảnh và chữ cái trong đó chữ cái trong thẻ này là âm đầu tiên của tên đồ vật trong thẻ kia. Ví dụ: thẻ có chữ b và thẻ có ảnh quả bóng.

-Ghép thẻ tranh và từ tương ứng: có một số các thẻ từ và tranh minh họa tương ứng cho nghĩa của các từ. Trẻ tìm và ghép các từ và tranh theo cặp.

c. Tìm điểm giống nhau

-Tìm điểm giống nhau trên một hàng: Trẻ quan sát một hàng gồm 5 hình ảnh về các đồ vật quen thuộc trong đó có 2 hình ảnh giống nhau. Trẻ đánh dấu 2 hình ảnh giống nhau đó bằng viên đá nhỏ. Giáo viên yêu cầu trẻ nói cách phân biệt hình ảnh khác đó.

-Quan sát điểm giống nhau – các mẫu: Trẻ nhận biết 2 mẫu giống nhau trên một hàng gồm 5 mẫu. Thực hiện với ít nhất là 5 lần, sau đó hỏi trẻ để nhận biết được sự giống nhau đó.

d. Học tên các chữ cái: Chỉ cho trẻ bảng chữ cái. Chỉ vào chữ cái đầu tiên, nói tên và trẻ nhắc lại. Giáo viên thực hiện động tác này 3 lần. Yêu cầu trẻ quan sát xung quanh lớp học để xem có nhận ra chữ cái ấy ở đâu trong lớp. Hàng ngày giáo viên cho trẻ ôn tập lại các chữ cái đã học bằng cách chỉ vào các chữ cái cho trẻ đọc, sau đó tiếp tục giới thiệu những chữ cái mới trong bảng chữ cái.

e.Tìm các chữ cái: Đặt một bảng chữ cái to lên tường và các bảng xung quanh lớp học có viết tên của các vật khác nhau (ví dụ: bàn, cửa sổ, cánh cửa, bảng, ghế, chiếu...). Viết các từ

đó thật to và rõ ràng. Trong lúc trẻ học chữ cái mới trong bảng chữ cái đó thì yêu cầu trẻ tìm những chữ cái trong các bảng, hình ảnh và các vật khác trên tường.

3.5. Tiền viết (tập trung vào nghĩa)

a. Những hình ảnh thể hiện những điểm quan trọng: Đọc một câu chuyện cho trẻ nghe. Khuyến khích trẻ nói về câu chuyện đó, sau đó yêu cầu trẻ vẽ một bức tranh thể hiện phần quan trọng nhất của câu chuyện. Sau đó, trẻ nói về bức tranh của mình và giải thích tại sao em lại chọn phần đó.

b. Bức tranh thể hiện chuỗi sự việc – viết: Trẻ được chia thành những nhóm nhỏ và vẽ các bức tranh thể hiện một phần trong một chuỗi sự việc, sau đó trẻ xếp thành hàng và diễn tả câu chuyện bằng các bức tranh của mình.

c. Biểu hiện suy nghĩ trong các bức tranh: Khuyến khích trẻ nghĩ về một sự việc quan trọng nào đó đã diễn ra gần đây. Yêu cầu trẻ “viết” về sự việc đó bằng một bức tranh. Nói với trẻ rằng con có thể “viết” bất cứ điều gì con muốn trong bức tranh của mình. Khi hoàn thành xong câu chuyện của mình, trẻ sẽ “đọc” to cho các bạn trong lớp nghe. Giáo viên nên chú ý khen ngợi sự sáng tạo của trẻ.

Viết (Tập trung vào sự chính xác)

a. Thực hành viết – bảng chữ cái: Giáo viên “viết trong không gian” một đường kẻ thẳng và trẻ làm tương tự. Giáo viên lại dùng tay viết một đường kẻ thẳng và trẻ làm theo. Giáo viên viết một đường kẻ thẳng lên bảng, trẻ cũng viết một đường kẻ thẳng lên bảng của mình. Giáo viên viết 10 đường kẻ thẳng lên bảng và trẻ cũng làm tương tự. Sau đó giáo viên viết một vòng tròn, rồi lại thay đổi với đường kẻ thẳng. Giáo viên cứ tăng dần độ phức tạp của các mẫu viết để trẻ quen thuộc và tự tin khi viết.

b. Thực hành viết các chữ cái và kí hiệu: Giáo viên “viết trong không gian” một chữ cái hay kí hiệu mà trẻ sẽ viết. Sau đó trẻ làm theo bằng cách viết trong không gian một chữ cái hay kí hiệu giống như thế, rồi lại làm lại. Viết 2 hàng kí hiệu lên trên bảng sau đó trẻ dùng tay viết các chữ cái, rồi lại viết các chữ cái đó lên bảng hoặc vào vở. Giáo viên kiểm tra độ chính xác, sửa lại cho trẻ nếu cần thiết.

Kết luận

Giáo dục phát triển ngôn ngữ trong chương trình GDMN, chú trọng:

1. Phát triển ngôn ngữ là phát triển ở trẻ cả 4 kỹ năng (nghe, nói, tiền đọc, tiền viết). Ở trường mầm non, đối với lứa tuổi nhà trẻ, đặc biệt chú ý đến kỹ năng nghe hiểu và nói, đồng thời cho trẻ làm quen với tranh ảnh, sách (giở sách, xem tranh). Đối với trẻ mẫu giáo, không dạy trẻ các kỹ năng đọc và viết thật sự, mà dạy trẻ những kỹ năng cơ bản như: xem tranh, mô tả tranh, kể chuyện theo tranh, biết cách ngồi đúng, biết cách cầm bút tô, đồ.
2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ là giúp trẻ lĩnh hội cả 3 thành phần của ngôn ngữ: *phát âm, vốn từ, ngữ pháp*. Nhiệm vụ quan trọng nhất phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ là dạy trẻ nghe hiểu và giao tiếp bằng ngôn ngữ (âm - từ - câu - lời nói). Ở tuổi mẫu giáo- phát triển ngôn ngữ mạch lạc là quan trọng nhất.
3. Trẻ là chủ thể của quá trình phát triển ngôn ngữ. Ngôn ngữ của trẻ được phát triển thông qua quá trình *giao tiếp* của trẻ với những người xung quanh, với môi trường thiên

nhiên và xã hội. Để phát triển ngôn ngữ, trẻ phải được nghe lời nói, được bắt chước lời nói, được chủ động nói.

4. Nội dung phát triển ngôn ngữ phải hướng vào trẻ, *đáp ứng các nhu cầu* phát triển của trẻ. Các hoạt động của trẻ được thiết kế theo hướng tích hợp và tích hợp theo chủ đề. Thời lượng tiến hành một chủ đề linh hoạt, phụ thuộc vào nhu cầu và hứng thú của trẻ.

5. Các hoạt động phát triển ngôn ngữ phải phù hợp với các *điều kiện tự nhiên, điều kiện văn hoá xã hội* của từng vùng, miền và phù hợp với thực trạng của trường, của lứa tuổi. Giáo viên có thể tận dụng những hoàn cảnh thực tế và điều kiện có sẵn của địa phương, của trường lớp: sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có, các nguyên vật liệu tái sử dụng thích hợp, an toàn với trẻ để hướng dẫn trẻ tìm hiểu khám phá và làm ra các sản phẩm mới mang tính sáng tạo của trẻ.

6. Nhiệm vụ của giáo viên là tổ chức xây dựng *môi trường ngôn ngữ*, tổ chức các hoạt động để trẻ được nghe, được bắt chước và được nói.

7. Phát huy sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ: linh hoạt trong việc xác định, lựa chọn và tổ chức những *hoạt động phong phú* giúp trẻ hứng thú tìm hiểu khám phá theo nhiều cách khác nhau, phù hợp với điều kiện cụ thể của trường lớp, của địa phương. Chú ý đến việc học qua chơi nhằm hình thành hệ thống kiến thức và kỹ năng, cung cấp những kinh nghiệm cần cho cuộc sống của trẻ.

8. Giáo viên có thể áp dụng những phương pháp giáo dục khác nhau một cách sáng tạo nhằm *tích cực hoá hoạt động tư duy và ngôn ngữ* của trẻ như: giao nhiệm vụ để trẻ tự suy nghĩ giải quyết vấn đề, sử dụng các câu hỏi mở, trò chơi đóng vai, phương pháp cùng tham gia....

MÔ ĐUN MN1 - A
XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
(Dành cho giáo viên)

Tài liệu phát tay

TÀI LIỆU 3
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT
CHO TRẺ DÂN TỘC THIỂU SỐ

I. Dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số

Dạy học ngôn ngữ thứ hai (dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số) cần được theo con đường tự nhiên của việc tiếp thu một ngôn ngữ, tức là tuân theo các giai đoạn phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên theo các giai đoạn sau:

Phát triển tiếng mẹ đẻ	Phát triển ngôn ngữ thứ hai
1. Giai đoạn lắng nghe (3-9 tháng tuổi) - Có thể nghe hiểu - Học vần điệu trước, rồi đến ngữ điệu và đến nghĩa.	1. Giai đoạn “im lặng” (người mới học, mọi lứa tuổi) - Cần có thời gian để nghe một ngôn ngữ mới trước khi có thể nói (nghe hiểu) - Cố gắng giao tiếp bằng cách sử dụng điệu bộ, cử chỉ.
2. Giai đoạn mới bắt đầu nói (khoảng từ 9 tháng đến 15 tháng tuổi) - Trả lời bằng một từ - Trả lời tự nhiên tùy theo từng ngữ cảnh.	2. Giai đoạn mới bắt đầu nói (khi người học đã sẵn sàng) - Hiểu nhưng có thể trả lời không phải bằng lời nói - Thấy trả lời câu hỏi dễ hơn phải tự nói (tức là nói thụ động).
3. Giai đoạn bắt đầu nói (từ 15 tháng tuổi) - Nói tự nhiên, liên kết các ý (với các cụm từ 2 – 4 từ) - Giao tiếp nếu cần.	3. Giai đoạn bắt đầu nói: diễn đạt đoạn ngắn, trả lời dài hơn - Bắt đầu tự nói nhưng chủ yếu là trả lời câu hỏi - Cần được đặt các câu hỏi mở và hỗ trợ các từ khoá.
4. Giai đoạn phát triển nghe nói - Tiếp tục phát triển khả năng nói phụ thuộc vào yêu cầu, hướng dẫn	4. Giai đoạn phát triển nghe nói: - Diễn đạt đoạn dài hơn, giao tiếp được nhiều hơn

- Cần có yêu cầu/hướng dẫn dễ hiểu (nói trong bối cảnh với nghĩa rõ ràng).	- Tiếp tục phát triển khả năng nói phụ thuộc vào yêu cầu, hướng dẫn - Cần có yêu cầu/hướng dẫn dễ hiểu (nói trong bối cảnh với nghĩa rõ ràng).
5. Tiếp tục phát triển suốt đời - Phát triển với trình độ trưởng thành ở độ tuổi 12 (với trẻ học đọc/viết bằng tiếng mẹ đẻ) - Ngôn ngữ trừu tượng hơn sẽ được phát triển trong quá trình phát triển nhận thức (ở trường học).	5. Tiếp tục phát triển nhưng chỉ khi: - Có yêu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ hai (luyện tập) - Có sử dụng kĩ năng đọc và viết bằng ngôn ngữ hai.

II. Phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai

1. Các nguyên tắc dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai

Nguyên tắc 1: Trẻ học hiểu nghĩa của từ và câu trước khi nói chính xác từ và câu đó

- Cần tránh việc dạy trẻ nói mà không hiểu nghĩa. Do đó, giáo viên cần vận dụng phương pháp trực quan hành động với bộ phận cơ thể, trực quan hành động với đồ vật và với tranh. Sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích nghĩa của từ và câu, nhất là đối với từ và câu khó, trừu tượng. Tuy nhiên tránh lạm dụng quá nhiều tiếng mẹ đẻ trong thời gian học của trẻ.
- Trong thực tế, có nhiều từ trừu tượng, không gần gũi với cuộc sống và không thể trực quan nhìn thấy được, giáo viên cần nghĩ ra các cách đơn giản nhất để trẻ có thể hiểu được. Ví dụ : từ “Tổ quốc”, giáo viên sử dụng bản đồ Việt Nam cho trẻ nhìn và giới thiệu với trẻ, kết hợp với việc sử dụng tiếng mẹ đẻ. Với từ “quê hương”, giáo viên có thể sử dụng phong cảnh nơi trẻ đang sống, tranh ảnh về địa phương ngay nơi trẻ đang sống để trẻ quan sát/ xem nhằm giúp trẻ hiểu từ đó.
- Giáo viên cần sử dụng tối đa các giác quan để trẻ hiểu sâu sự vật hiện tượng kết hợp với học từ và câu. Ví dụ : khi trẻ học bộ phận cơ thể giáo viên sử dụng bộ phận cơ thể của trẻ để trẻ học và trải nghiệm thực tế như: tai để nghe, mũi để ngửi, lưỡi để nếm thức ăn / ăn thức ăn...

Khi cho trẻ học về quả, nên sử dụng các quả sẵn có ở địa phương cho trẻ học (trẻ được nhìn, ngửi, nếm, sờ bề mặt, cầm quả...). Khi cho trẻ học về rau, nên dùng rau thật để trẻ học. Giáo viên chú ý để sửa lỗi, giúp trẻ nói đúng sau khi đã hiểu nghĩa của từ và câu nói.

Nguyên tắc 2: Học tiếng Việt gắn với tình huống và ngữ cảnh cụ thể để trẻ học cách sử dụng đúng từ và câu nói trong các tình huống phù hợp tương tự

Học các từ và câu nói gắn với tình huống cụ thể để trẻ hiểu được ngữ cảnh nào sử dụng loại câu này. Trẻ học nguyên tắc của câu gồm hai phần : phần cố định và phần thay đổi trong câu. Ví dụ : Phần cố định là “Lấy cho cô...” và phần thay đổi “...cái bát, cái đĩa, cái thìa...”. Khi chuyển sang mẫu câu mới là “Lấy cho bạn...”, giáo viên yêu cầu trẻ thực hành sử dụng các từ đã được học vào câu. Dần chuyển sang loại câu khác với yêu cầu khác thì giáo viên yêu cầu trẻ thực hành chuyển sang câu mới : “Cất cho cô cái...”.

Nguyên tắc 3: Học tiếng Việt đảm bảo theo một trình tự nhất định

- Trước tiên là dạy cho trẻ danh từ, động từ, tiếp đến mới dạy tính từ, trạng từ, số lượng từ... sau đó dạy các từ loại khác. Danh từ và động từ thường là đồ dùng, đồ vật, sự vật cụ thể trong cuộc sống nên trẻ dễ nhận biết được nhất. Các tính từ, trạng từ... khó hơn.
- Sau đó dạy câu, bởi câu nói được tạo nên từ các từ loại (danh từ và động từ), tiếp đến các từ loại khác. Ban đầu dạy những câu đơn, rồi đến câu đơn mở rộng, cuối cùng đến câu phức.
 - Câu đơn giản như: “Bé rửa tay”, “Bé rửa mặt”, “Bạn lấy ghế”, “Bạn cất ghế”,....
 - Câu đơn mở rộng: “Cô rửa tay cho cháu”/ “Cô rửa tay cho bạn”... rồi đến “Cô rửa tay cho bạn để ăn cơm”...
 - Câu phức tạp hơn: “Cô rửa tay cho cháu vì cháu bị ngã bẩn tay”; “Cô rửa tay cho bạn để bạn ăn cơm”...
- Dạy các loại câu hỏi, đặc biệt các câu hỏi gắn với câu trả lời trẻ đang học. Ví dụ: từ “con gà” thì có câu hỏi: “Con gì đây?”. Câu: “Con gà đang mổ thóc”, “Con gà đang chạy”, “Con gà đang gáy” thì có câu hỏi : “Con gà làm gì?”. Câu “Con gà đang ở ngoài sân”, “Con gà trong chuồng”, “Con gà trong ổ” thì có câu hỏi: “Con gà ở đâu?”.

Nguyên tắc 4: Khi dạy từ và câu mới, cần đảm bảo nguyên tắc con số 3

- Dạy ba từ và ba mẫu câu mới đối với trẻ.
- Nhắc lại ba lần với các từ và câu nói.

Tuy nhiên trong trường hợp trẻ khá, học nhanh, giáo viên cần tăng cường hơn về số lượng từ và câu nói, mở rộng thành phần câu và tạo nhiều cơ hội để trẻ được thực hành sử dụng trong thực tế.

Nguyên tắc 5: Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong quá trình dạy tiếng Việt kích thích tư duy sáng tạo của trẻ trong sử dụng ngôn ngữ

- Trong một số trường hợp, giáo viên dạy trẻ hiểu từ gốc (phần cố định) và từ tiếp nối (phần thay đổi). Ví dụ : khi dạy trẻ từ “quả cam”. Từ “quả” là phần cố định, quả biểu thị kết quả phát triển của cây và hoa. Sau đó, trẻ có thể học mở rộng từ sang các loại quả khác : quả cam, quả chuối, quả chanh, ... Cho trẻ học mở rộng vốn từ dưới dạng trò chơi.
- Cũng như vậy, dạy trẻ câu gốc, sau dạy trẻ vận dụng linh hoạt các câu nói từ câu gốc được học. Ví dụ : “Con vịt đang ăn”, dẫn trẻ chuyển sang các câu khác cùng dạng như: “Con vịt đang đi”, “Con vịt đang bơi”, “Con vịt đang kêu quạc quạc...”, “Con vịt đang vẫy cánh”... Hoặc : “Bé rửa tay”, sau chuyển sang các câu nói khác: “Bé rửa mặt”, “Bé chải tóc”, “Bé đi học”, ...
- Khi trẻ đã thuần thục sử dụng các câu nói đơn lẻ, giáo viên sáng tạo và kể câu chuyện đơn giản từ các câu đó để trẻ học cách sử dụng trong kể chuyện như: “ Con là Bé Thi. Sáng ngủ dậy, con đánh răng. Con rửa mặt. Con chải tóc. Con ăn sáng. Con đi học”.

b) Về phương pháp thực hiện

- Đảm bảo sự hứng thú và mạnh dạn tự tin trong học tiếng Việt:
 - Tạo hứng thú học tiếng Việt một cách nhẹ nhàng, vui vẻ qua các trò chơi. Không gây áp lực học đối với trẻ.
 - Cho trẻ học các từ, các câu gắn với cuộc sống hằng ngày của trẻ.
 - Cho trẻ học các câu đơn giản, câu ngắn có nội dung gần gũi, dễ hiểu gắn với kinh nghiệm sống và ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của trẻ.
 - Gắn việc học tiếng Việt trong các bài hát, thơ, đồng dao, vắn vản hoặc truyện ngắn với nội dung gần gũi với những gì trẻ đã được học.
- Dạy tiếng Việt cho trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày.

Trong suốt thời gian ở lớp / trường mẫu giáo, trẻ giao tiếp với nhau cũng như học bằng tiếng Việt thông qua mọi hoạt động trong ngày. Trong quá trình giao tiếp, trẻ học vốn từ và cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt một cách tự nhiên. Vậy trẻ học tiếng Việt trong hoạt động lời nói ở mọi lúc mọi nơi.

- Đảm bảo môi trường học tiếng Việt phong phú.

Môi trường lớp học được xây dựng đảm bảo cho hoạt động giao tiếp hay hoạt động lời nói đều sử dụng bằng tiếng Việt, đồng thời môi trường chữ viết bằng tiếng Việt sao cho trẻ được hoàn toàn “đắm mình” trong các hoạt động phát triển ngôn ngữ như: trò chuyện, đàm thoại qua giao tiếp và học tập; qua trò chơi ; đọc sách, xem truyện hay các hoạt động tô vẽ, đồ nét chữ...

- Tạo mối liên hệ giữa tiếng Việt với tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Việc học tiếng Việt của trẻ được thực hiện nhanh chóng trong thời gian ngắn và có hiệu quả chính là nhờ vốn kinh nghiệm và hiểu biết về thế giới xung quanh, kỹ năng hoạt động lời nói bằng tiếng mẹ đẻ (trẻ nghe và tiếp nhận âm thanh ngôn ngữ, từ và ý nghĩa của từ gắn với biểu tượng / hình ảnh về sự vật hiện tượng, tư duy ngôn ngữ của trẻ đó hình thành, cách thức biểu đạt lời nói...). Tất cả những kinh nghiệm đó đều làm cơ sở vững chắc cho việc học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai.

Trong môi trường lớp ghép, một số trẻ có khả năng sử dụng tiếng Việt tốt hơn những trẻ khác, đây là cơ hội tốt để giáo viên tận dụng các em có khả năng tiếng Việt tốt giúp các em còn nhiều hạn chế qua việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích những từ ngữ khó hiểu, nói mẫu cho bạn bắt chước...

- Tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng để trẻ học tiếng Việt.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa lớp / trường mẫu giáo với gia đình và cộng đồng nhằm giúp cho mọi người đều thấu hiểu sự cần thiết học tiếng Việt của trẻ lứa tuổi mẫu giáo, tạo cơ hội để trẻ được sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp ở gia đình và cộng đồng.

c) Về điều kiện thực hiện

- Dạy tiếng Việt tốt nhất khi và chỉ khi trẻ được nói bằng tiếng Việt nhiều nhất. Do đó trong các hoạt động giáo dục, giáo viên tăng cường hỏi trẻ, khuyến khích trẻ nói càng nhiều càng tốt.
- Đồ dùng học tập tốt nhất là: bộ phận cơ thể, đồ vật, vật thật, động tác, tranh ảnh. Hạn chế sử dụng máy tính, bởi công nghệ thông tin chỉ giúp trẻ nhìn, khó có thể cảm nhận được chính xác thế giới xung quanh (nghe, ngửi, nếm hoặc sờ trực tiếp) cũng như trẻ ít có cơ hội được nói tiếng Việt.

3. Các phương pháp dạy học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai

a. Phương pháp trực quan hành động (TQHD)

Phương pháp trực quan hành động là gì?

Phương pháp trực quan hành động (Total Physical Response – TPR) là một phương pháp dạy học ngôn ngữ dựa trên sự phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên. Trong phương pháp này, trẻ học TV thông qua việc **lắng nghe**, **quan sát** và **hành động** (nghe tiếng Việt và thể hiện sự hiểu tiếng Việt của mình thông qua hành động).

Sử dụng phương pháp trực quan hành động như thế nào?

- TQHD là phương pháp hữu hiệu đối với giai đoạn đầu của việc học nghe nói tiếng Việt của trẻ DTTS - khi trẻ có thể nghe hiểu được từ ngữ tiếng Việt nhưng chưa đủ mạnh dạn để nói ra/giao tiếp bằng tiếng Việt (đặc biệt trẻ mẫu giáo).

- Dạy học theo phương pháp TQHD được thực hiện theo 3 bước sau:

Bước 1: Hướng dẫn: Giáo viên nói một số từ/ngữ mới và thực hiện hành động thể hiện nghĩa của từ/ngữ mới;

Bước 2: Làm mẫu: Giáo viên nói từ ngữ mới và cùng với vài học sinh thực hiện hành động thể hiện nghĩa của từ/ngữ mới;

Bước 3: Thực hành: Trẻ thực hành theo nhóm hoặc cá nhân: Lúc đầu giáo viên nói từ ngữ mới và trẻ hành động, sau đó trẻ vừa nói vừa thực hiện hành động.

Trẻ có thể chưa đáp lại bằng lời nói ngay được. Nhưng dần dần trẻ sẽ quen và có thể đưa yêu cầu để trẻ khác thực hiện.

Lưu ý: Nguyên tắc của phương pháp này là 3 x 3, tức là thực hiện 3 lần cho 1 từ mới và học 3 từ một buổi học. Phân bổ thời gian: 25% hướng dẫn và làm mẫu và 75% thực hành.

Các loại của phương pháp TQHD:

Loại hình	Ứng dụng	Thời điểm áp dụng	Loại từ vựng (gợi ý)	Chuẩn bị cần có
1. TQHD với cơ thể	Trẻ bắt đầu học sử dụng ngôn ngữ mới với các thao tác vận động của chính cơ thể mình	Khi trẻ bắt đầu tiếp xúc với ngôn ngữ mới ở những giờ học đầu tiên	Các động từ chỉ vận động cơ bản của cơ thể	Không gian rộng phù hợp với các động tác vận động, di chuyển
2. TQHD với đồ vật	Trẻ sử dụng vốn từ vựng học được để áp dụng vào việc thực hiện hành động với đồ vật xung quanh	Sau khi trẻ nắm được các từ vựng chỉ vận động cơ bản của cơ thể	Từ chỉ đồ vật gần gũi, và đặc điểm của chúng: Cái bút, cái thước, màu xanh, màu đỏ...	Bàn, ghế để các đồ vật; Đồ vật thật phù hợp nội dung bài học
3. TQHD với hình ảnh a. Sử dụng tranh ảnh theo chủ đề	Trẻ sử dụng những từ đã biết để nói và trả lời theo nội dung tranh, ảnh về những từ/câu cần học	Sau khi trẻ đã nắm được các từ mới của phần TQHD với cơ thể và với đồ vật	Từ chỉ các sự việc không thể mô tả bằng hành động và đồ vật thật, mà cần sử dụng tranh vẽ/ảnh chụp	Tranh ảnh theo nội dung bài học Tranh ảnh theo chủ đề Tranh ảnh khổ lớn, nhỏ cho các hoạt động nhóm, cá nhân
b. Thông qua HD vẽ tranh	Trẻ vẽ hình ảnh của những từ cần học		Từ chỉ các hình ảnh mà trẻ vẽ ra được	

Loại hình	Ứng dụng	Thời điểm áp dụng	Loại từ vựng (gợi ý)	Chuẩn bị cần có
c. Thông qua hoạt động di chuyển tới các tranh/ảnh	Trẻ di chuyển xung quanh lớp với các bức tranh có từ cần học		Từ chỉ các địa điểm, nơi chốn	
4. TQHD với các câu chuyện	Trẻ diễn lại các hành động của các nhân vật trong câu chuyện và có thể tự kể lại chuyện	Sau khi trẻ đã có vốn từ từ những phần TQHD trước	Từ chỉ các trạng thái, hành động của nhân vật	Các câu chuyện với nhiều từ ngữ sinh động, có thể biểu diễn

b. Phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp là gì?

Phương pháp giao tiếp là phương pháp dạy học ngôn ngữ tập trung vào việc tạo dựng khả năng giao tiếp trong các tình huống khác nhau và với các mục đích khác nhau. Trong phương pháp này, trẻ được đặt trong những tình huống giao tiếp cụ thể và sử dụng TV phù hợp với tình huống đó. Nghĩa là, trẻ không chỉ biết cách tạo ra các câu đúng mà còn biết sử dụng các câu đó khi nào, ở đâu, cho ai. Trẻ hoàn toàn sử dụng TV trong quá trình giao tiếp (không dùng tiếng mẹ đẻ).

Sử dụng phương pháp giao tiếp như thế nào?

- Phương pháp giao tiếp được sử dụng trong cả giai đoạn nghe nói và giai đoạn đọc viết, đặc biệt phù hợp với dạng ngôn ngữ nói của tiếng Việt. Đó là các tình huống giao tiếp như chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, xin phép...trong các môi trường giao tiếp ở trường, ở nhà, cộng đồng.
- Khi sử dụng phương pháp giao tiếp, giáo viên có nhiệm vụ thiết kế các tình huống giao tiếp (với bạn bè, trong gia đình, với mọi người xung quanh...) và các mục đích giao tiếp khác nhau.

c. Phương pháp trực tiếp

Phương pháp trực tiếp là gì?

Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp ngôn ngữ tự nhiên) là việc dạy ngôn ngữ thứ hai không thông qua tiếng mẹ đẻ nhằm rút ngắn thời gian học tiếng và tránh được những lẫn lộn giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai khi sử dụng. Trong phương pháp này, trẻ học ngôn ngữ bằng cách nghe đi nghe lại nhiều lần, sau đó nói, rồi đọc và viết. Tương tự như phương pháp trực quan hành động, phương pháp trực tiếp cũng dựa trên sự phát triển ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Sử dụng phương pháp trực tiếp như thế nào?

- Phương pháp trực tiếp thường kết hợp với phương pháp trực quan hành động để giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của ngôn ngữ mới. Các hoạt động học giúp trẻ chuyển một cách tự nhiên từ giai đoạn nghe - hiểu sang giai đoạn nói. Trong giai đoạn nghe và hiểu ngôn ngữ thứ hai, trẻ thể hiện sự hiểu biết của chúng qua các hành động hay các câu trả lời đơn giản.

- Các yêu cầu sư phạm chính của phương pháp trực tiếp:

+ Sử dụng nhiều đồ dùng dạy học trực quan, tổ chức các hoạt động thực hành (tranh, ảnh, mô hình, người thật, việc thật). Khi gặp những câu và đoạn khó cần tận dụng tiếng Việt để giải thích.

+ Dạy ngữ pháp thông qua hệ thống bài tập. Không đưa ra bất cứ một quy tắc nào để giải thích các hiện tượng ngữ pháp; chỉ khi trẻ thật thành thạo ngôn ngữ nói, mới thận trọng đưa ra những ghi nhớ đơn giản về hiện tượng ngữ pháp và cách dùng một số từ ngữ đặc biệt.

+ Mở đầu một bài học theo PPTT luôn cần có một đàm thoại giữa giáo viên và trẻ hoặc một mẫu chuyện ngắn theo lối nói hằng ngày.

+ Các bài tập luyện tập nghe hiểu là những mẫu chuyện ngắn, dễ hiểu (thông thường đó là các mẫu chuyện vui, gắn liền với đời thường).

+ Cần chấp nhận sự gần đúng và các lỗi trong sử dụng tiếng Việt của trẻ và xem đó như là một phần tự nhiên của việc học ngôn ngữ.

Khả năng tiếng Việt của trẻ DTTS quyết định khá lớn đến việc có nên dùng phương pháp trực tiếp hay không. Nếu vốn từ và câu của trẻ còn quá hạn chế thì việc dùng phương pháp trực tiếp sẽ không đem lại kết quả như mong muốn.

d. Phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ

Phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ là gì?

Phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ (PPTMD) là phương pháp vận dụng kiến thức, kĩ năng tiếng mẹ đẻ để dạy học ngôn ngữ thứ hai.

Dùng phương pháp sử dụng tiếng mẹ đẻ như thế nào?

Trong dạy học tiếng Việt, nhiều trường hợp cần sử dụng tiếng mẹ đẻ:

- Giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ khi:

+ Đưa ra các chỉ dẫn bằng tiếng mẹ đẻ để trẻ hiểu nội dung, nhiệm vụ của bài học rồi mới chuyển sang thực hiện các yêu cầu của bài học bằng tiếng Việt.

+ Giải thích nghĩa của các từ ngữ tiếng Việt chỉ khái niệm, hoặc có nghĩa trừu tượng hoặc các từ ngữ tiếng Việt không có từ ngữ tương ứng trong tiếng mẹ đẻ của trẻ.

+ Giải thích ý nghĩa/ nội dung của đoạn, truyện khi trẻ chưa hiểu rõ.

- Trẻ có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ khi:

+ Nêu nghĩa của từ/ngữ tiếng Việt mà không thể nói ra bằng cách khác.

+ Nói/trao đổi suy nghĩ, ý tưởng của mình về tranh ảnh, nội dung câu chuyện

+ Nêu câu hỏi hoặc đề nghị giáo viên giải thích về nội dung học.

- Mục tiêu sử dụng tiếng mẹ đẻ trong dạy học tiếng Việt là để trẻ học tiếng Việt tốt hơn. Do vậy, cần phải lựa chọn đúng trường hợp, thời điểm và thời lượng sử dụng cho phù hợp với từng nội dung học và giai đoạn học tập của trẻ, tránh lạm dụng sử dụng tiếng mẹ đẻ.

Ví dụ: Khi dạy các từ tiếng Việt như: mừng tuổi, chúc tết, nghỉ hè..., giáo viên cần sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích nghĩa của các từ này.

Sự phối hợp các phương pháp nêu trên trong dạy học ngôn ngữ hai

Các phương pháp nêu trên được phối hợp sử dụng trong mỗi hoạt động làm quen với tiếng Việt hoặc bài học tiếng Việt. Nghĩa là, mỗi bài học/hoạt động có thể sử dụng “hơn một” phương pháp dạy học ngôn ngữ thứ hai. Sự phân định thành 4 phương pháp như trình bày trên nhằm giúp giáo viên hiểu được bản chất của mỗi phương pháp, hoàn toàn không có nghĩa là mỗi bài học tiếng Việt chỉ sử dụng 1 phương pháp duy nhất.

Ví dụ: Khi dạy nghe nói các từ: Con ong, mật ong, bay : giáo viên có thể sử dụng **phương pháp trực quan hành động** hoặc **phương pháp trực tiếp** để giúp trẻ hiểu nghĩa các từ: con ong (sử dụng tranh vẽ), bay (sử dụng cơ thể) và **phương pháp sử dụng TMD** để học sinh hiểu nghĩa từ: mật ong.

4. Một số biện pháp/hoạt động phát triển kĩ năng nghe, nói tiếng Việt là ngôn ngữ thứ 2

1. Nghe

- **Các chữ cái trong bài hát.** GV hát bài hát về chữ cái và dừng lại ở những chỗ khác nhau. Trẻ lần lượt đi đến bảng chữ cái và chỉ vào chữ cái cuối cùng vừa được hát.

- **Ghép chữ cái với âm đầu của từ.**

+ GV đọc tên của các đồ vật trong phòng mà trẻ đó biết tên và bắt đầu bằng chữ cái được học trong ngày. GV và trẻ cùng đọc chữ cái, sau đó tên đồ vật, tập trung vào âm đầu. Sau đó trẻ nghĩ những từ bắt đầu bằng âm của chữ cái mới học.

+ GV viết chữ cái đã học trong ngày lên bảng, trẻ đọc chữ cái đó. Sau đó GV cầm lên những vật/tranh phù hợp với chữ cái đó, mỗi lần một vật. Trẻ đọc chữ cái với từ có thể ghép được với tranh, nhấn mạnh vào âm đầu (b/ bóng; b/bầu; b/ bưởi). Mỗi khi trẻ đọc 1 từ, GV viết từ đó lên bảng phía dưới chữ cái. Sau khi tất cả các từ đó được đưa ra và viết lên bảng, trẻ lần lượt lên bảng và đọc các từ.

+ GV đưa mỗi nhóm một bộ thẻ chữ - tất cả các chữ mà trẻ đó học. Trẻ trong nhóm lần lượt cầm lên 1 thẻ chữ, đọc âm của chữ cái đó, và từ bắt đầu bằng chữ cái đó. Trẻ nhìn xung quanh phòng và tìm đồ vật hoặc tranh bắt đầu bằng âm đó hoặc tìm chữ cái đó ở đâu đó trên tường, chỉ vào chữ cái và đọc âm chữ cái đó. (Nếu trẻ đọc được từ có chữ cái đó thì sẽ tốt hơn).

- **Chuyện đọc** (Hoạt động cả lớp). GV đọc một "chuyện đọc" cho trẻ. Trong suốt câu chuyện, GV dừng khoảng 3-4 lần, hỏi "chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo?" và để trẻ trả

lời. Cuối chuyện, GV hỏi những câu hỏi có câu trả lời ngắn và sau đó hỏi các câu hỏi mở đòi hỏi câu trả lời tư duy hơn. (Chú ý: Nếu trẻ chưa sẵn sàng trả lời các câu hỏi dài hơn bằng TV thì có thể để trẻ trả lời bằng tiếng mẹ đẻ. Điều quan trọng ở đây là nghe hiểu chứ không nhất thiết phải nói thành thạo).

- **Diễn lại truyện** (Hoạt động nhóm hoặc cả lớp). GV kể hoặc đọc 1 câu truyện về chủ đề trong tuần bằng TV, sử dụng những từ đã biết. Trẻ nghe và một vài bạn xung phong diễn lại câu truyện khi GV đọc hoặc kể lại lần thứ 3.

- **Vẽ tranh** (Hoạt động cả lớp hoặc cùng bạn). GV nói yêu cầu trẻ vẽ một bức tranh trong vở bài tập. Trẻ thực hiện hướng dẫn. GV kiểm tra xem trẻ có thực hiện đúng yêu cầu không (ví dụ : GV nói vẽ cái cốc, kiểm tra xem trẻ vẽ cái cốc hay vẽ đồ vật khác)

- **Thực hiện một loạt chỉ dẫn** (Hoạt động lớp). GV đưa ra một loạt 3-4 chỉ dẫn về một hoạt động rất quen thuộc (Ví dụ: đứng lên - đi lên bâng – cầm viên phấn). Mỗi trẻ hoặc theo cặp, thực hiện chỉ dẫn của GV

(Chú ý: GV cần có nhiều những loạt câu chỉ dẫn như thế này để có thể sử dụng hàng ngày cho đến khi trẻ có thể đạt được sự thuần thục. Nếu có thể, trẻ cần có những đồ vật trong lớp để có thể sử dụng cho hoạt động phân vai, thực hiện loạt chỉ dẫn).

- **Nghe "giống nhau và khác nhau" trong phát âm.** (Hoạt động cả lớp, sau đó cá nhân). GV nói 2 từ chỉ khác nhau về dấu thanh hoặc âm (Ví dụ: GV nói 2 từ: ba – bà. GV hỏi: 2 từ này giống nhau hay khác nhau? Cả lớp trả lời (khác nhau). Sau đó GV nói 2 từ giống nhau (bà- bà) và hỏi trẻ câu hỏi trên (trả lời:giống nhau).

- **Đưa hướng dẫn** (Hoạt động nhóm). Trong nhóm, trẻ lần lượt đưa chỉ dẫn cho các trẻ khác thực hiện các hoạt động khác nhau. GV đi xung quanh xem trẻ có sử dụng các câu có nghĩa để đưa ra chỉ dẫn hoặc thực hiện chỉ dẫn có đúng không.

- **Đặt câu hỏi** (Hoạt động cả lớp/với bạn). Sau giờ ôn tập bằng tiếng mẹ đẻ, GV khuyến khích trẻ hoạt động theo nhóm, đặt các câu hỏi bằng tiếng Việt về những gì đã học. GV cần khuyến khích trẻ nỗ lực và không phải chú trọng đến ngữ pháp và phát âm. Mục đích là để trẻ đặt các câu hỏi bằng tiếng Việt.

2. Nói

- **Mô tả tranh:** Chỉ cho trẻ một bức tranh (liên quan đến đề tài của tuần). Hỏi những câu hỏi trả lời ngắn về bức tranh (ai, cái gì, ở đâu, làm gì...).

- **Trò chơi nhận dạng:** GV hỏi “Ai đang mặc một cái váy màu xanh, quần màu đen, v.v.”. Trẻ sẽ đáp lại bằng cách chỉ hoặc nói. Sau đó, lần lượt đến từng trẻ đặt câu hỏi cho trẻ khác đáp lại.

- **Trò chơi đoán xem đang nhìn cái gì:** GV hoặc 1 trẻ nói: “Tôi đang nhìn một vật hình tròn, màu đỏ ở bên cạnh cái bảng”. Trẻ nào đoán đúng sẽ là người nói tiếp theo.

- **Phân loại đồ vật/sự vật:** GV đưa ra một “loại”, trẻ nêu các từ chỉ sự vật thuộc “loại” đó. Ví dụ: phân loại theo: thức ăn, cây trồng ở vườn, động vật nuôi trong nhà, động vật trong rừng, người trong gia đình...

- **Đưa ra các chỉ dẫn.** Chia trẻ thành từng nhóm. Một trẻ đưa các chỉ dẫn cho một trẻ khác trong nhóm thực hiện. Chú ý: Chỉ thực hiện điều này khi trẻ thấy đã sẵn sàng.
- **Nói về bản thân:** Mỗi ngày, hỏi trẻ về những gì trẻ làm ngày hôm trước “Con ăn gì tối hôm qua?” “Con nhìn thấy gì trên đường đi bộ từ trường về nhà?”. Trẻ sẽ đáp lại những việc chúng đã làm. Đừng sửa nếu trẻ mắc lỗi, mà chỉ nói lại câu đó theo cách đúng. Hoặc: Ngày mai con sẽ làm gì? Con thích món ăn gì nhất?...
- **Hướng dẫn trình tự:** GV nói cho trẻ trình tự các hành động liên quan đến các công việc quen thuộc (ví dụ: lấy nước, ăn...). Trẻ sẽ thực hiện theo trình tự được hướng dẫn. Sau đó, chúng sẽ tự đưa cho nhau những chỉ dẫn khác.
- **Hội thoại:** Cùng trẻ thực hiện một đoạn hội thoại đơn giản như: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn...
- **Những câu hỏi về câu chuyện:** Kể hoặc đọc một câu chuyện về chủ đề quen thuộc. Sau đó, hỏi những câu hỏi đơn giản về câu chuyện để trẻ trả lời (Ai, cái gì, ở đâu, tại sao, như thế nào). Có thể dưới hình thức trò chơi *Ném bóng*: GV kể/đọc một câu chuyện. GV ném quả bóng cho 1 trẻ và hỏi: Trong câu chuyện có nhân vật nào? Trẻ trả lời và ném quả bóng cho một trẻ khác và GV lại đặt câu hỏi: Câu chuyện xảy ra ở đâu? trẻ trả lời và lại tiếp tục ném cho trẻ khác và GV hỏi tiếp những câu hỏi liên quan đến câu chuyện...
- **Kể lại một câu chuyện tiếng mẹ đẻ bằng tiếng Việt:** Yêu cầu một trẻ xung phong kể một câu chuyện ngắn, một bài thơ hay một bài hát mà trẻ biết bằng tiếng mẹ đẻ. Sau đó, GV cùng trẻ (hoặc trong nhóm) dịch câu chuyện sang tiếng Việt và viết câu chuyện lên bảng, ra giấy khổ to (tập trung vào dịch nghĩa, không dịch đối chiếu theo từ ngữ).
- **Dựng chuyện dựa trên tranh ảnh.** Chỉ cho trẻ một bức tranh/hoặc nhiều tranh với những hình ảnh quen thuộc. Khuyến khích trẻ sử dụng hình ảnh để tạo ra một câu chuyện đơn giản về các hoạt động trong tranh.
- **Hoặc tiếp nối một chuỗi các sự kiện tạo thành câu chuyện:** Trẻ lần lượt tạo ra một câu chuyện bằng cách thay đổi những gì mà người trước đã nói. Trẻ bắt đầu câu chuyện về một người với cái tên vui nhộn (có thể là một cái tên ngộ nghĩnh như: Tít): “*Tít ăn một quả xoài*”. Một trẻ khác phủ nhận điều mà người trước đó nói và tiếp tục câu chuyện: “*Không, Tít không ăn quả xoài. Tít ăn quả ổi*”. Trẻ tiếp theo nói: “*Không, Tít không ăn xoài, không ăn ổi. Tít đá bóng*”. Một trẻ khác lại thêm vào những câu khác để câu chuyện tiếp tục. Có thể sử dụng một quả bóng để chơi trò chơi. Người đầu tiên cầm quả bóng, nói một câu sau đó ném quả bóng cho một người khác. Người đó sẽ nói câu tiếp theo và ném quả bóng cho người kế tiếp, v.v.
- **Tường thuật (Hoạt động cả lớp hoặc theo nhóm).** GV yêu cầu trẻ chuẩn bị một bài tường thuật ngắn về điều mà trẻ biết rất rõ, có thể liên quan đến chủ đề học trong tuần. Sau đó trẻ lần lượt kể miệng lại cho các bạn trong nhóm hoặc cho cả lớp.

- **Hỏi và trả lời (Hoạt động với bạn).** Trẻ làm việc theo cặp. Một trẻ hỏi các câu hỏi về bản thân, về gia đình hoặc một chủ đề được quan tâm. Trẻ thứ 2 trả lời câu hỏi. Sau đó đổi vai. GV đi quanh lớp, khuyến khích và giúp đỡ trẻ nói tiếng Việt.

* **Ghi chú:** Sự phân định các hoạt động như bảng trên chỉ mang tính chất tương đối bởi vì trong mỗi hoạt động đôi khi rèn “hơn một” kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết).

III. Ví dụ một số hoạt động về dạy tiếng Việt

1. Các mệnh lệnh: **Đứng lên, ngồi xuống, đi (Tuần 1)**

a) Mục tiêu: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các hành động theo lời của GV hoặc các bạn: đứng lên, ngồi xuống, đi.

b) Chuẩn bị: sử dụng **phương pháp đáp lại bằng hành động + phương pháp trực tiếp** là chủ yếu.

c) Tiến hành:

Bước 1: Hướng dẫn (GV làm mẫu)

- GV vừa nói vừa kết hợp với động tác: ngồi xuống, đứng lên, đi (3 lần, nói chậm, rõ ràng và động tác dứt khoát)

Bước 2: Làm mẫu (GV và trẻ cùng làm mẫu): Tuần 1 trẻ có thể chưa quen với việc làm mẫu trước lớp nên cô có thể hướng dẫn trẻ bằng TDT để trẻ hiểu được yêu cầu trước khi thực hiện việc làm mẫu bằng TV.

- Mời 2 trẻ lên làm mẫu cùng với GV. GV nói và cùng 2 HS thực hiện động tác: ngồi xuống, đứng lên, đi. Có thể thay đổi thứ tự khẩu lệnh như: đi - ngồi xuống - đứng lên... (3 lần).

Bước 3: Thực hành

- Cả lớp: GV nói khẩu lệnh để cả lớp cùng thực hiện theo khẩu lệnh của GV (GV không làm động tác)

- Cá nhân: GV đến bên từng trẻ, gọi tên trẻ kết hợp với khẩu lệnh để trẻ nghe và thực hiện. Ví dụ: Páo, đứng lên/ngồi xuống/đi...

Chú ý: GV thay đổi thứ tự các khẩu lệnh để đảm bảo trẻ thực sự hiểu nghĩa, không phải là nhớ máy móc. Trong phần thực hành HS có thể vừa nói TV vừa thực hiện hành động nhưng nếu trẻ không nói, chỉ thực hiện hành động thì cũng được. Đặc biệt là trong những tuần đầu.

2. **Chào hỏi: Chào cô/ chào bạn (Tuần 2)**

a) Mục tiêu: Trẻ nghe hiểu và nói được từ “chào cô/chào bạn” trong tình huống giao tiếp khi đến lớp.

b) Chuẩn bị: Tranh cô giáo đón trẻ vào lớp.

Thiết kế tình huống giao tiếp (sử dụng **phương pháp giao tiếp + sử dụng tiếng mẹ đẻ**).

c) Tiến hành:

- Bước 1: GV cho HS quan sát tranh. Sử dụng TDT để hỏi trẻ: ở đâu? Các bạn đang làm gì? cô giáo đang làm gì?... Sau khi trẻ nói về những gì quan sát được trong tranh, GV tiếp tục sử dụng TDT để “vào bài”: Khi các cháu đến lớp, gặp cô và các bạn các cháu cần chào cô và các bạn. Các cháu có thể chào bằng tiếng của mình, cũng có thể chào bằng tiếng Việt. Gặp cô, các cháu nói “Chào cô” (nhắc lại 3 lần và cho trẻ nhắc lại 3 lần), cô sẽ nói “Chào cháu”.

- Bước 2: GV cùng 1 trẻ làm mẫu: GV ở trong lớp học, 1 trẻ từ cửa lớp bước vào gặp cô giáo nói “chào cô” – GV đáp lại “chào cháu” (Sử dụng TDT để hướng dẫn trẻ làm mẫu, chú ý hướng dẫn trẻ nhìn vào cô khi nói. Thực hiện làm mẫu này 3 lần).

- Bước 3: Thực hành theo tình huống: Lần lượt từng cháu bước vào lớp (hoặc bước đến gần cô) thực hiện giao tiếp “ chào cô” – “chào cháu” (GV nhắc lại nếu trẻ quên từ, dùng các cử chỉ thân thiện như xoa đầu, sửa áo để giúp trẻ tự tin).

Sau đó chuyển sang giao tiếp: “chào bạn – chào bạn” (thực hiện tương tự như các bước nêu trên, chú ý xây dựng tình huống phù hợp với giao tiếp của trẻ với trẻ).

3. Ôn tập các từ đã học trong tuần (Tuần 3)

a) Mục tiêu: HS nghe hiểu được các từ ngữ đã được học trong tuần (búp bê, bẻ/bông, ru; bóng, đá bóng, tung bóng; bút, bàn, ghế; cất, xếp ghế, lấy ghế...) và thể hiện sự hiểu của mình bằng các hành động, cử chỉ phù hợp với từ ngữ.

b) Chuẩn bị: Các đồ dùng đồ chơi trong lớp như: búp bê, quả bóng, bút, bàn, ghế.

Sử dụng **phương pháp dạy học trực tiếp** thông qua hình thức tổ chức trò chơi.

c) Tiến hành:

* Hướng dẫn trẻ thực hiện hoạt động các hoạt động sau:

- GV nói các từ TV như: bẻ, ru, đá, tung – trẻ làm động tác mô phỏng tương ứng.

- GV nói các từ như: búp bê, bóng, bàn, ghế, bút – trẻ chỉ hoặc cầm sự vật tương ứng.

- Sau đó GV kết hợp động từ với danh từ phù hợp để trẻ thực hiện: bẻ búp bê (trẻ làm động tác bẻ), ru búp bê (trẻ làm động tác ru), đá bóng (trẻ làm động tác co chân đá), tung bóng (trẻ làm động tác tung bóng lên cao, tung bóng cho bạn).

* Trò chơi: “Ai làm đúng?”: Thực hiện sau khi trẻ đã tương đối nhớ “thành thực” các từ ngữ nêu trên.

- Từng tổ trẻ (5 – 6 trẻ) đứng thành hàng trước lớp. GV nói 1 loạt các cụm từ (“đá bóng, bẻ búp bê, tung bóng, ru búp bê” – GV cần thay đổi trật tự) và trẻ thực hiện hành động tương ứng. Sau mỗi lượt, trẻ nào làm đúng tất cả thì về chỗ ngồi (khuyến khích các trẻ ngồi dưới quan sát, phát hiện). Tiếp tục bổ sung trẻ khác vào nhóm chơi (khuyến khích trẻ xung phong) và tiếp tục thực hiện cho đến khi tất cả lớp đều được tham gia.

Ghi chú: Các chỉ dẫn như: “Lấy ghế, xếp ghế, cất ghế” nên được lồng ghép trong các hoạt động.

Hoặc có thể tổ chức trò chơi “Ai nhanh?” với cách thức tiến hành tương tự như trên nhưng với các yêu cầu như: Lấy cho cô giáo búp bê/bút/bóng hoặc Chỉ cho cô giáo ghế/bàn...

4. **Truyện: Đôi bạn**

Tranh 1: Đôi bạn Sóc và Thỏ vào rừng chơi.



Tranh 2: Thỏ nhìn thấy chùm quả chín vàng. Thỏ reo lên: Chùm quả ngon quá!



Tranh 3: Thỏ với tay hái chùm quả.



Tranh 4: Chẳng may Thỏ trượt chân ngã nhào. Sóc vội túm áo bạn nhưng sức yếu không kéo nổi



Tranh 5: Bác Voi đi ngang qua. Sóc nhờ bác Voi kéo bạn Thỏ lên.



Tranh 6: Hai bạn cảm ơn bác Voi.



Giáo viên	Trẻ
Lần 1: Giáo viên vừa kể vừa minh họa các hành động: đi chơi, với quả chín, trượt chân ngã,...	Trẻ lắng nghe và quan sát
Lần 2: Giáo viên kể chậm rõ ràng, thể hiện điệu bộ qua <i>giọng nói và nét mặt</i> .	Trẻ thực hiện các hành động minh họa lời kể của giáo viên.
Lần 3. Giáo viên đưa ra câu hỏi và câu trả lời ngắn (từ hoặc cụm từ). - Trong truyện có ai? - Hai bạn Sóc và Thỏ đi đâu? - Thỏ nhìn thấy gì? - Thỏ bị làm sao khi hái quả?	Trẻ trả lời ngắn (sử dụng từ): - Sóc và Thỏ - Hai bạn Sóc và Thỏ đi vào rừng chơi - Thỏ nhìn thấy chùm quả chín vàng - Thỏ bị trượt chân ngã.
Lần 4. Giáo viên hỏi câu hỏi mở: - Hai bạn Sóc và Thỏ đi đâu? - Thỏ làm gì? - Tại sao Thỏ bị ngã? - Vì sao Thỏ và Sóc cảm ơn bác Voi?	Trẻ trả lời <i>câu đầy đủ rõ ràng</i> : - Hai bạn Sóc và Thỏ đi vào rừng chơi - Thỏ với tay hái chùm quả chín vàng - Thỏ bị trượt chân ngã vì hái chùm quả - Thỏ và Sóc cảm ơn bác Voi vì bác Voi đã kéo Thỏ lên
Lần 5. Giáo viên mời và cho trẻ kể lại chuyện 1 cách sáng tạo	Trẻ có thể <i>kể lại, thay đổi câu chuyện thành câu chuyện mới</i> hoặc thể hiện bằng

Giáo viên	Trẻ
	động tác, đóng vai các nhân vật. - 1 vài trẻ xung phong kể lại chuyện kèm theo hành động minh họa. - 1-2 trẻ kể chuyện, một vài trẻ khác thực hiện các hành động minh họa 1 cách sáng tạo